TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ - ST
Ngày 15/3/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Nghiệp và Bà: Bùi Thị Quỳnh

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên toà: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024; giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1976 - Có mặt

Bị đơn: Anh **Bùi Hồng Ph**, sinh năm 1972 - Có đơn xin vắng mặt

Đều trú tại: Xóm B, xã X, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Hồng Ph tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1997, tại UBND xã X. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị bắt đầu có lối sống không lành mạnh, thường xuyên sử dụng rượu, bia quá mức và chơi lô đề, không quan tâm đến gia đình, đến năm 2015 anh chị không chung sống cùng nhau nửa năm sau đó lại quay về với nhau, sau khi về tiếp tục chung sống chị thấy chồng chị không thay đổi, hai bên gia đình đã nhắc nhở khuyên răn nhưng hứa xong chồng chị vẫn không sửa chữa được khuyết điểm. Năm 2019 chị cảm

thấy quá căng thẳng nên anh chị tiếp tục không chung sống cùng nhau, chị thấy chồng chị không sửa chữa khuyết điểm hai bên không thể hàn gắn tình cảm, hôn nhân giữa chị và anh Ph không có hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Hồng Ph.

- *Về con chung:* Có 02 con là Bùi Anh M, sinh ngày 20/3/1998 và Bùi Hồng A, sinh ngày 08/8/2005 02 con anh chị đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, công nợ:* Không có.

* *Anh Bùi Hồng Ph trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Bùi Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND xã X, sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Tuy nhiên do quá trình công việc, quan hệ xã hội và gia đình bận rộn, nên anh giành thời gian quan tâm đến gia đình vợ con, không được chú tâm thường xuyên, năm 2019 anh đang đi công tác xa thì chị Bùi Thị D tự ý thu dọn đồ đạc ra ở riêng bỏ về nhà mẹ đẻ. Nguyện vọng của anh muốn vợ chồng đoàn tụ.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có hai con chung Bùi Anh M, sinh ngày 20/3/1998 và Bùi Hồng A, sinh ngày 08/8/2005 hiện đang đi học, hai cháu đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị D giữ nguyên yêu cầu, chị không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Quá trình tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/3/2024 anh Bùi Hồng Ph giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục Tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, khoản 2 Điều 220, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử *(HĐXX)* chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị D, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Hồng Ph; Về con chung: Bùi Anh M, sinh ngày 20/3/1998 và Bùi Hồng A, sinh ngày 08/8/2005 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập; Về tài sản chung, công nợ chung:

Không có nên không đề cập; Về án phí đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Bùi Hồng Ph hiện đang cư trú tại xóm B, xã X, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Bùi Hồng Ph, anh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án:*

- *Về hôn nhân:*

+ Chị Bùi Thị D và anh Bùi Hồng Ph tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 11 năm 1997 tại UBND xã X, huyện Kim Bôi, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph thường xuyên sử dụng rượu bia quá mức, chơi lô đề, không quan tâm đến gia đình, do mâu thuẫn năm 2015 anh chị không chung sống cùng nhau nửa năm sau đó lại quay về với nhau, khi sống chung chị thấy chồng chị không thay đổi. Năm 2019 chị cảm thấy quá căng thẳng nên anh chị tiếp tục không chung sống cùng nhau. Chị thấy chồng chị không sửa chữa khuyết điểm hai bên không thể hàn gắn tình cảm, hôn nhân giữa chị và anh Ph không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Hồng Ph.

+ Ý kiến của anh Bùi Hồng Ph sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Tuy nhiên do quá trình công việc, quan hệ xã hội và gia đình bận rộn, nên anh giành thời gian quan tâm đến gia đình, vợ con không được chú tâm thường xuyên, năm 2019 anh đang đi công tác xa thì chị Bùi Thị D tự ý thu dọn đồ đạc ra ở riêng bỏ về nhà mẹ đẻ. Nguyện vọng của anh Bùi Hồng Ph muốn vợ chồng đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành Hòa giải 02 lần, mục đích hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Bùi Thị D vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Bùi Hồng Ph, trong thời gian giải quyết vụ án anh Ph mặc dù mong muốn chị D về đoàn tụ, nhưng anh không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, để vợ chồng tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng anh chị vẫn mỗi người sống một nơi. Như vậy ý kiến xin đoàn tụ của anh Ph là không có căn cứ. HĐXX không chấp nhận ý kiến của anh, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Ph là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị D, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Hồng Ph, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Xác nhận anh chị có 02 con chung Bùi Anh M, sinh ngày 20/3/1998 và Bùi Hồng A, sinh ngày 08/8/2005 hai con của anh chị đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường, nên không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Bùi Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D.

1. *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Hồng Ph.

2. *Về con chung:* Xác nhận chị Bùi Thị D và anh Bùi Hồng Ph có 02 con chung là Bùi Anh M, sinh ngày 20/3/1998 và Bùi Hồng A, sinh ngày 08/8/2005.

3. *Tài sản chung, công nợ chung:* Không có.

4. *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Bùi Thị D phải chịu án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, chị D được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) theo biên lai thu số 0003134 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Xuân Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Quang Dự